



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 65

Ngày 03 tháng 4 năm 2023

MỤC LỤC

Trích yếu nội dung

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

| | | |
|-----------|---|----|
| 20-3-2023 | Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND, ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. | 2 |
| 20-3-2023 | Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. | 4 |
| 29-3-2023 | Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ban hành quy định về phân cấp, quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. | 6 |
| 30-3-2023 | Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND về việc ban hành quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. | 14 |

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2023/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 81/TTr-STC ngày 14 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ngành của tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành

phổ và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2023/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về Quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo số 82/BC-SXD ngày 09 tháng 3 năm 2023, Báo cáo số 83/BC-SXD ngày 09 tháng 3 năm 2023 và Tờ trình số 175/TTr-SXD ngày 26 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Tỷ lệ số lượng và tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù được thực hiện theo khoản 1 Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Nội dung, định mức chi phí hỗ trợ, nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Chuẩn bị đầu tư: Hỗ trợ thực hiện công việc lập, thẩm định hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản;

b) Quản lý dự án: Hỗ trợ thực hiện các công việc quản lý thực hiện dự án.

2. Định mức chi phí hỗ trợ:

a) Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, bao gồm:

- Chi phí lập hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản được hỗ trợ 80% trên giá trị chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được duyệt.

- Chi phí thẩm tra hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản được hỗ trợ 80% trên giá trị chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được duyệt.

- Phí thẩm định hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản được hỗ trợ 100% trên giá trị phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được duyệt.

b) Chi phí hỗ trợ quản lý thực hiện dự án được hỗ trợ 80% trên chi phí quản lý dự án được duyệt.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 4. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2023.

2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra thực hiện Quyết định này và báo cáo định kỳ hằng năm, đột xuất về UBND tỉnh.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Lắk; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2023/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các
chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số
604/TTr-SKHĐT ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Công số 642/SKHĐT-KGVX
ngày 21 tháng 3 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; theo dõi, kiểm tra, báo cáo định kỳ, đột xuất về UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài

chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng Ban Dân tộc; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các chủ đầu tư và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Kèm theo Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) cho các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Các nội dung có liên quan đến quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh không quy định tại Quy định này, thực hiện theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện); UBND xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG

1. Tuân thủ Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG và các quy định pháp luật có liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các chương trình MTQG.

2. Phân cấp trách nhiệm rõ ràng, đảm bảo phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các ngành, các cấp, địa phương có liên quan trong việc quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG.

3. Phát huy vai trò chủ thể của người dân và sự tham gia, đóng góp của cộng đồng dân cư vào quá trình quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện các chương trình MTQG.

Chương II
PHÂN CẤP QUẢN LÝ, TỔ CHỨC
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 4. Phân cấp đơn vị làm chủ đầu tư dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển

1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

a) Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã: Giao Ban Quản lý xã làm chủ đầu tư. Đối với công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi trình độ chuyên môn xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện làm chủ đầu tư và có sự tham gia của UBND xã.

b) Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng có quy mô cấp huyện, quy mô liên xã: Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện làm chủ đầu tư.

2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

a) Các dự án cụ thể thuộc Dự án 1 “Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo”: Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện làm chủ đầu tư.

b) Các dự án cụ thể thuộc Dự án 4 “Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững”: Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm chủ đầu tư.

3. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Dự án 1 “Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt”:

- Đối với việc hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt mà không hình thành dự án đầu tư thì UBND cấp huyện chỉ đạo phòng chuyên môn triển khai thực hiện.

- Đối với việc hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt mà có hình thành dự án đầu tư thì giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện làm chủ đầu tư.

b) Các dự án cụ thể thuộc Dự án 2 “Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết”: Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện làm chủ đầu tư.

c) Các dự án cụ thể trong Tiểu dự án 2 “Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc Dự án 3 “Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị”: Giao Ban Dân tộc làm chủ đầu tư đối với phần vốn giao cho Ban Dân tộc; giao Ban quản lý dự

án đầu tư xây dựng cấp huyện làm chủ đầu tư đối với phần vốn giao cho cấp huyện.

d) Các dự án cụ thể trong Tiểu dự án 1 “Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc Dự án 4 “Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc”:

- Dự án áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù: Giao Ban Quản lý cấp xã làm chủ đầu tư.

- Dự án áp dụng cơ chế đầu tư thông thường: Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện làm chủ đầu tư.

đ) Các dự án cụ thể trong Tiểu dự án 1 “Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số” thuộc Dự án 5 “Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực”: Giao Sở Giáo dục và Đào tạo làm chủ đầu tư.

e) Các dự án cụ thể thuộc Dự án 6 “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch”: Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư.

g) Các dự án cụ thể thuộc Dự án 7 “Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em”: Giao Sở Y tế làm chủ đầu tư.

h) Các dự án cụ thể trong Tiểu dự án 2 “Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc Dự án 10 “Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình”: Giao Ban Dân tộc làm chủ đầu tư đối với phần vốn giao cho Ban Dân tộc; giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh làm chủ đầu tư đối với phần vốn giao cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh và phần vốn giao cho cấp huyện.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư

1. Đối với các dự án áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù.

a) Thẩm quyền thẩm định: UBND cấp xã có trách nhiệm thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản. Trường hợp UBND cấp xã không đủ năng lực thẩm định hồ sơ xây dựng công trình, UBND cấp xã có văn bản đề nghị UBND cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức thẩm định.

b) Thẩm quyền phê duyệt: Chủ tịch UBND cấp xã quyết định phê duyệt đầu tư dự án.

2. Đối với các dự án áp dụng cơ chế đầu tư thông thường do các sở, ban, ngành cấp tỉnh làm chủ đầu tư.

a) Thẩm quyền thẩm định:

- Đối với các dự án đầu tư có cấu phần xây dựng: Giao các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (nếu có).

- Đối với các dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 18 và khoản 2 Điều 40 Luật Đầu tư công năm 2019.

b) Thẩm quyền phê duyệt: Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

3. Đối với các dự án áp dụng cơ chế đầu tư thông thường do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện, Ban Quản lý xã làm chủ đầu tư.

a) Thẩm quyền thẩm định:

- Đối với các dự án có tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng thì giao cho cơ quan quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (nếu có) của dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn do UBND cấp huyện quyết định đầu tư (*trừ dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở quản lý xây dựng chuyên ngành*). Trong trường hợp cơ quan có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện không đủ năng lực thẩm định thì UBND cấp huyện có văn bản đề nghị UBND tỉnh giao Sở quản lý xây dựng chuyên ngành tổ chức thẩm định.

- Đối với các dự án có tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đồng trở lên thì giao cho Sở quản lý xây dựng chuyên ngành thẩm định theo Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Thẩm quyền phê duyệt:

- Đối với các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện: Giao Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt.

- Đối với các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở quản lý xây dựng chuyên ngành: Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư

1. Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quyết toán đối với các dự án có yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

2. Sở Tài chính phê duyệt quyết toán đối với các dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì, tổng hợp, điều phối chung các chương trình MTQG; phối hợp giải quyết những công việc liên quan đến quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan đề xuất danh mục dự án và các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra các dự án đầu tư theo phân cấp.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, cơ quan chủ trì thực hiện chương trình MTQG và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn lập kế hoạch, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh giao, điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện các chương trình giai đoạn 05 năm và hằng năm.

4. Chủ trì tổng hợp báo cáo và cập nhật thông tin theo dõi đánh giá các chương trình MTQG vào Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan đề xuất danh mục dự án và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra các dự án đầu tư xây dựng công trình được áp dụng theo cơ chế đầu tư thông thường để xem xét về sự cần thiết đầu tư, sự phù hợp với mục tiêu, đối tượng, nội dung đầu tư, quy mô đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của từng nguồn vốn theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công trước khi tiến hành lập dự án đầu tư.

Điều 8. Sở Tài chính

1. Chủ trì, tổng hợp kế hoạch vốn thực hiện các chương trình MTQG vào dự toán ngân sách hằng năm của UBND tỉnh; thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án theo phân cấp.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chủ trì thực hiện chương trình và các đơn vị có liên quan hướng dẫn lập xây dựng, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh giao, điều chỉnh dự toán kinh phí sự nghiệp hằng năm thực hiện từng chương trình MTQG.

3. Chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn việc sử dụng, quản lý kinh phí sự nghiệp, cơ chế thanh toán, quyết toán các nguồn vốn thực hiện các chương trình MTQG.

4. Tổng hợp tình hình cấp phát, quyết toán kinh phí hằng năm cho từng chương trình MTQG, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan chủ trì thực hiện chương trình MTQG

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh tổ chức thực hiện chương trình theo quy định.

2. Tổng hợp, kiểm tra (nếu cần thiết), đề xuất chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 05 năm và hằng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, tổng hợp, cân đối và tham mưu UBND tỉnh giao chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện.

3. Tổng hợp, kiểm tra (nếu cần thiết), đề xuất dự toán kinh phí sự nghiệp hằng năm, gửi Sở Tài chính để xem xét, tổng hợp, cân đối và tham mưu UBND tỉnh giao dự toán cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện.

4. Thực hiện và hướng dẫn công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá thực hiện chương trình MTQG theo quy định.

Điều 10. UBND cấp huyện, UBND cấp xã, chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan

1. UBND cấp huyện tổ chức kiểm tra các dự án đầu tư xây dựng công trình được áp dụng theo cơ chế đầu tư đặc thù để xem xét về sự cần thiết đầu tư, sự phù hợp với mục tiêu, đối tượng, nội dung đầu tư, quy mô đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của từng nguồn vốn theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công trước khi tiến hành lập dự án đầu tư.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, nội dung đã được phân cấp theo Quy định này để quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy định này hết hiệu lực thi hành hoặc có văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định của các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản đó.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung không còn phù hợp theo Quy định này, thì các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, chủ đầu tư, tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung theo quy định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2023/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Khoản 5, Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2031, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 31/TTr-SNN ngày 22 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện quyết định này cho UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2023./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND
Ngày 30 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định tỷ lệ quay vòng vốn, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện cơ chế quay vòng

1. Việc quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ để luân chuyển trên địa bàn thực hiện dự án (nếu có) phải đảm bảo phù hợp với từng dự án và điều kiện cụ thể của từng đối tượng tham gia dự án.

2. Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ trong thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ để luân chuyển trên địa bàn thực hiện dự án.

3. Việc thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn bảo đảm đúng quy định của pháp luật và hiệu quả nguồn vốn và không gây thất thoát ngân sách nhà nước.

4. Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện cơ chế quay vòng.

5. Tỷ lệ quay vòng là một chỉ số ưu tiên lựa chọn những dự án do các cộng đồng đề xuất, tạo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các cộng đồng thôn buôn trong thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hình thức, tỷ lệ, thời hạn quay vòng vốn để luân chuyển trong cộng đồng

1. Các dự án thực hiện quy định về quay vòng vốn để luân chuyển trong cộng đồng

a) Dự án trồng trọt (cây ngắn ngày), dự án chăn nuôi gia súc, dự án nuôi trồng thủy sản trong lĩnh vực nông nghiệp; các dự án đa dạng hóa sinh kế khác.

b) Hình thức quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ: Tiền mặt hoặc hiện vật.

c) Tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ:

- Đối với dự án thực hiện trên địa bàn đặc biệt khó khăn (gồm các huyện nghèo; xã khu vực III; thôn đặc biệt khó khăn của xã không phải là xã khu vực III): Tỷ lệ quay vòng vốn là 5% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho dự án.

- Đối với dự án thực hiện trên địa bàn khó khăn (gồm các thôn không thuộc diện đặc biệt khó khăn ở xã khu vực II): Tỷ lệ quay vòng vốn là 10% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho dự án.

- Đối với dự án thực hiện trên địa bàn còn lại: Tỷ lệ quay vòng vốn là 15% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho dự án.

d) Thời gian thực hiện quay vòng vốn để luân chuyển trong cộng đồng:

- Tối đa không quá 01 năm đối với dự án chăn nuôi gia súc, nuôi trồng thủy sản, trồng trọt cây nông nghiệp ngắn ngày, kể từ khi kết thúc dự án.

- Tối đa không quá 02 năm đối với dự án chăn nuôi đại gia súc, kể từ khi kết thúc dự án.

Thời gian thực hiện quay vòng vốn quy định cụ thể trong quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất do tổ, nhóm cộng đồng đề xuất. Trường hợp dự án bị tạm dừng, hủy bỏ hoặc triển khai không có hiệu quả do các nguyên nhân khách quan thực hiện theo khoản 3 Điều 3 Quy định này”.

2. Các dự án không quy định tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ: Dự án trồng cây lâu năm, dự án chăn nuôi gia cầm, dự án lâm nghiệp.

3. Đối với các dự án thực hiện quy định về hình thức, tỷ lệ, thời hạn quay vòng vốn để luân chuyển trong cộng đồng, trong quá trình triển khai dự án phải tạm dừng, hủy bỏ hoặc triển khai không có hiệu quả do các nguyên nhân khách

quan (như: Thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác) dẫn đến ảnh hưởng kết quả đầu ra theo kế hoạch, Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định việc thu hẹp phạm vi, gia hạn thời gian thu hồi vốn hoặc tạm dừng dự án và tạm dừng quay vòng, thu hồi kinh phí theo thẩm quyền, theo các phương án xử lý rủi ro và trình tự sau:

a) Xác định mức độ rủi ro: Cộng đồng dân cư phối hợp với UBND cấp xã báo cáo, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập tổ kiểm tra, xác minh, đánh giá mức độ thiệt hại do các nguyên nhân khách quan gây ra.

b) Trên cơ sở biên bản kiểm tra, xác minh, đánh giá, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định xử lý rủi ro, như sau:

- Mức thiệt hại dưới 30%: thực hiện quay vòng, luân chuyển bằng 80% so với tỷ lệ được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quy định này; thời gian gia hạn tối đa không quá 6 tháng.

- Mức thiệt hại dưới 30% đến 50%: thực hiện quay vòng, luân chuyển bằng 60% so với tỷ lệ được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quy định này; thời gian gia hạn tối đa không quá 6 tháng.

- Mức thiệt hại dưới 30% đến 50%: thực hiện quay vòng, luân chuyển bằng 60% so với tỷ lệ được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quy định này; thời gian gia hạn tối đa không quá 9 tháng.

- Mức thiệt hại từ 50% đến 70%: thực hiện quay vòng, luân chuyển bằng 40% so với tỷ lệ được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quy định này; thời gian gia hạn tối đa không quá 9 tháng.

- Mức thiệt hại trên 70%: Hủy bỏ việc quay vòng, thu hồi kinh phí để luân chuyển trong cộng đồng.

Điều 4. Quản lý và trình tự quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng

1. Cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý, cơ quan, đơn vị được giao vốn cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức quay vòng luân chuyển.

2. Chủ đầu tư dự án mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại để quản lý vốn quay vòng và mở sổ theo dõi riêng các khoản quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng.

3. Trình tự quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng

a) Đại diện cộng đồng dân cư nhận số kinh phí bằng tiền mặt hoặc hiện vật của các đối tượng thụ hưởng theo tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ được Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt trong dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị được

giao vốn mở tại Kho bạc nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại để thực hiện quay vòng, luân chuyển cho các hộ gia đình khác theo mục tiêu của dự án.

- Trường hợp quay vòng bằng tiền mặt: Các đối tượng tham gia dự án trực tiếp mua hoặc được chủ đầu tư cấp phát các loại giống cây trồng, vật nuôi, vật tư thiết yếu, công cụ sản xuất theo phê duyệt của dự án. Sau khi kết thúc chu kỳ sản xuất, hộ đó nộp lại theo tỷ lệ thu hồi được quy định tại Điều 4 vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện nhiệm vụ để sử dụng quay vòng cho các hộ tiếp theo theo kế hoạch thực hiện của dự án.

- Trường hợp quay vòng bằng giống vật nuôi: Các đối tượng tham gia dự án trực tiếp mua giống vật nuôi theo phê duyệt của dự án, sau khi giống vật nuôi sinh sản đến thời kỳ tách mẹ, hộ giữ lại con để nuôi, con mẹ bàn giao lại cho đơn vị được giao vốn thực hiện dự án để giao cho hộ tiếp theo. Đối với trường hợp được giống thì mỗi được giống không được để phối giống trên cùng một địa bàn cấp xã quá 03 năm (36 tháng) kể từ ngày phối giống con cái đầu tiên, để tránh tình trạng giao phối cận huyết, làm ảnh hưởng đến chất lượng đời sau. Trường hợp không còn nhu cầu sử dụng hiện vật quay vòng thì cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ quyết định bán, thu tiền nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị để sử dụng quay vòng cho các hộ theo mục tiêu của dự án, phương án.

- Trường hợp hộ đã tham gia dự án, phương án không còn nhu cầu (đang thực hiện nhưng nay không muốn tiếp tục thực hiện), không có khả năng tiếp tục thực hiện hoặc không thực hiện đúng cam kết,... chủ đầu tư căn cứ vào điều kiện thực tế yêu cầu hộ bồi thường khoản kinh phí nhà nước đã hỗ trợ hoặc điều chuyển cho hộ khác có nhu cầu và đủ điều kiện tham gia.

b) Cộng đồng dân cư xây dựng hồ sơ đề xuất trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt việc sử dụng nguồn vốn quay vòng trong tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị được giao vốn làm cơ sở tổ chức thực hiện việc luân chuyển cho các hộ gia đình khác trong cộng đồng dân cư.

Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương thức sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được thực hiện theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

4. Trường hợp dự án kết thúc và đối tượng tham gia dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn bằng tiền mặt để quay vòng, luân chuyển, tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, cơ quan, đơn vị được giao vốn quyết định thu hồi vốn bằng tiền mặt hoặc bán hiện vật thu tiền nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị được giao vốn mở tại Kho bạc nhà nước để sử dụng hỗ trợ thực hiện dự án, phương án mới được Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt (nếu có) hoặc thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 5. Quy trình theo dõi, kiểm tra, giám sát

1. Nội dung

a) Theo dõi, kiểm tra sự phù hợp của quyết định hỗ trợ với nội dung Quy định này và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

b) Theo dõi, kiểm tra việc chủ đầu tư tổ chức triển khai, tiến độ thực hiện hoạt động quản lý, tổ chức quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng của từng dự án trên địa bàn và chấp hành các quy định khác của pháp luật hiện hành.

c) Theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán dự án.

2. Trình tự, thủ tục giám sát

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan:

- Chủ trì thành lập Ban Giám sát của cộng đồng cho từng dự án hỗ trợ; thành phần của Ban ít nhất 5 người, gồm đại diện Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã, Thanh tra nhân dân và đại diện người dân trên địa bàn;

- Lập kế hoạch giám sát của cộng đồng đối với dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng hằng năm trên địa bàn xã. Thông báo cho UBND cấp xã, chủ đầu tư dự án về kế hoạch đã đề ra và thành phần Ban giám sát của cộng đồng chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện;

- Hướng dẫn Ban giám sát của cộng đồng xây dựng kế hoạch giám sát theo quy định của pháp luật; hỗ trợ Ban giám sát của cộng đồng trong việc thông tin liên lạc, lập và gửi các Báo cáo giám sát của cộng đồng;

- Xác nhận các văn bản phản ánh, kiến nghị của Ban giám sát của cộng đồng trước khi gửi các cơ quan có thẩm quyền.

b) UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị được giao vốn:

- Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cho Ban giám sát của cộng đồng.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban giám sát cộng đồng thực hiện việc giám sát theo quy định của pháp luật.

- Tiếp thu ý kiến giám sát và tăng cường các biện pháp thực hiện dự án.

c) Ban giám sát của cộng đồng:

- Tổ chức thực hiện giám sát dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng hằng năm trên địa bàn xã theo kế hoạch giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã đã phê duyệt; tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi tới các cơ quan quản lý có thẩm quyền; tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý có thẩm quyền về những kiến nghị của mình.

- Hướng dẫn, động viên cộng đồng tích cực thực hiện quyền giám sát của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ hoặc đột xuất lập và gửi các báo cáo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về kết quả giám sát của cộng đồng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Các sở, ban ngành: Ban Dân tộc tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Căn cứ dự toán Trung ương giao và quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, hàng năm lập phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (trong đó có hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất) gửi Sở Tài chính.

b) Hướng dẫn một số nội dung liên quan đến việc xây dựng và thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp theo yêu cầu Quy định này.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố theo dõi, tổng hợp báo cáo theo định kỳ, 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh về kết quả thực hiện cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

d) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế quay vòng. Tổng hợp, đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện cơ chế quay vòng vốn.

3. Các sở, ban, ngành khác

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp, hướng dẫn UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan khác thực hiện theo đúng nội dung theo yêu cầu Quy định này.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và hộ gia đình tham gia dự án

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Căn cứ dự toán UBND dân tỉnh giao để phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong cộng đồng theo quy định.

a) Tổ chức thẩm định, phê duyệt nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng phù hợp theo yêu cầu Quy định này.

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra và đôn đốc chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND cấp xã tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế quay vòng.

c) Hỗ trợ UBND cấp xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ của chủ đầu tư.

d) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo định kỳ, 06 tháng, hàng năm và đột xuất về kết quả thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp huyện, cấp xã; kết quả hoạt động quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ (dưới dạng tiền mặt hoặc hiện vật) để luân chuyển trong cộng đồng gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc để theo dõi, tổng hợp chung.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện

a) Lập, trình thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án phải phù hợp nội dung Quy định này.

b) Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

c) Phối hợp chỉ đạo thực hiện các dự án do cấp huyện thực hiện được triển khai trên địa bàn xã.

d) Đôn đốc, hướng dẫn các hộ gia đình tham gia dự án thực hiện cơ chế quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng đúng tỷ lệ, đúng thời hạn theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Phối hợp, hỗ trợ Ban giám sát cộng đồng thực hiện hoạt động giám sát theo quy định.

e) UBND cấp xã theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo UBND cấp huyện theo định kỳ, 06 tháng, hàng năm và đột xuất về kết quả thực hiện dự án trên địa bàn xã; kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan.

3. Đối với cộng đồng dân cư tham gia dự án

Thực hiện quản lý, tổ chức việc quay vòng luân chuyển vốn trong cộng đồng theo đúng quy định hiện hành. Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hàng năm và tổng kết, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Hộ gia đình tham gia dự án

Cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung, quy định của dự án, trong đó cam kết hoàn trả một phần kinh phí (bằng tiền mặt hoặc hiện vật) theo quy định của dự án đã được phê duyệt cho chủ đầu tư để thực hiện luân chuyển cho các đối tượng thụ hưởng khác theo mục tiêu của dự án.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này khi có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc phát sinh, cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung./.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuật - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: đồng